TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2023/DS-PT
Ngày 29-5-2023
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy đăng ký chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy đăng ký chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 131/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1995, địa chỉ: đường B, Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 07/8/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn V, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên R - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Văn phòng công chứng Phương N; địa chỉ: đường T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng Phương N: ông Nguyễn Hoàng T, Trưởng Văn phòng.

2. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1961;

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1994;

4. Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: đường Đ, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950;

2. Ông Nguyễn Tam M1, sinh năm 1957;

3. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1966;

4. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1967;

5. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1971;

6. Bà Đinh Thị Hồng N2, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Đ, ông M1, bà M2, ông H3, bà S1, bà N2: bà Sô Thị Tuyết H4, sinh năm 1997; địa chỉ: đường B, Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 06/8/2020).

7. Bà Nguyễn Thị M3, sinh năm 1961 (chết ngày 13/4/2021);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M3:

- Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1958;

- Bà Nguyễn Thị Thu C1, sinh năm 1981;

- Ông Nguyễn Minh Đ1, sinh năm 1982;

- Bà Nguyễn Thị Kim P1, sinh năm 1985;

- Bà Nguyễn Thị Xuân L1; sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: ấp P2, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

8. Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1953;

9. Bà Nguyễn Thị Cẩm V1, sinh năm 1984;

10. Ông Nguyễn Đức N1, sinh năm 1985;

11. Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1988;

12. Ông Nguyễn Đức M4, sinh năm 1991;

13. Bà Nguyễn Thị Thùy L2, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

14. Bà Phan Ngọc S1, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện B, Long An.

15. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Trần Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/8/2020 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ D cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Cụ Nguyễn Văn M, sinh năm 1922, chết ngày 18/6/1997 theo Giấy chứng tử số 23, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An cấp ngày 08/5/2002 và cụ Nguyễn Thị S, sinh năm 1928, chết ngày 09/12/2007 theo Giấy chứng tử số 51/KT Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An cấp ngày 12/12/2007. Cha mẹ của cụ M và cụ S đã chết từ rất lâu.

Cụ M và cụ S có 09 người con gồm: Nguyễn Văn M5, sinh năm 1959; Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950; Nguyễn Văn M6, sinh năm 1952; Nguyễn Tam M1, sinh năm 1957; Nguyễn Thị M3, sinh năm 1961; Nguyễn Thị M2, sinh năm 1966; Nguyễn Văn H3, sinh năm 1967; Nguyễn Thị S1, sinh năm 1971 và Nguyễn Văn B3, sinh năm 1977.

Ông Nguyễn Văn M5 chết năm 2016 theo Bản sao Trích lục khai tử số 195/TLKT – BS ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố T. Hàng thừa kế thứ nhất của ông M5 gồm vợ ông M5 bà Trần Thị H1 và hai con là Nguyễn Thị Mỹ H2 và Nguyễn Minh T1.

Ông Nguyễn Văn B3 chết năm 2009 theo Bản sao Giấy chứng tử số 14 Quyển số 1/2009 ngày 05/6/2009 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An. Hàng thừa kế thứ nhất của ông B3 gồm vợ là bà Đinh Thị Hồng N2 và con là chị Nguyễn Thị Thùy D.

Ông Nguyễn Văn M6 chết năm 2014. Hàng thừa kế thứ nhất của ông M6 gồm vợ ông M6 là bà Nguyễn Thị Kim T2 và 5 con là Nguyễn Thị Cẩm V1, Nguyễn Đức N1, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Đức M4 và Nguyễn Thị Thùy L2.

Bà Nguyễn Thị M3 chết năm 2021 theo Bản sao Trích lục khai tử số 347/TLKT – BS ngày 14/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã L. Hàng thừa kế thứ nhất của bà M3 gồm chồng bà M3 là ông Nguyễn Văn B1 và 4 con là Nguyễn Thị Thu C1, Nguyễn Minh Đ1, bà Nguyễn Thị Kim P1, Nguyễn Thị Xuân L1.

Di sản thừa kế cụ Nguyễn Văn M và cụ Nguyễn Thị S bao gồm:

Sau khi cụ M chết, thì ngày 10/5/2004 tại Phòng tư pháp huyện B cụ S cùng các con đã thống nhất để lại cho cụ S quyền sử dụng đất tại các thửa số 1766, 1776, 1778, 1843 và 1845, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh

Long An. Ngày 16/7/2004, cụ S được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AA 066745, số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 03988 QSDĐ/0206 – LA tại thửa đất số 1766, 1776; 1778, 1843 và 1845, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An.

Sau khi cụ S chết, ngày 22/7/2009 tại Văn phòng công chứng Phương N ông Nguyễn Văn M5, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn M6, ông Nguyễn Tam M1, bà Nguyễn Thị M3, ông Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị S1 và bà Nguyễn Thị M2 lập "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" số công chứng 808 quyển số 01/TP/CC – SCC/HHĐGD định đoạt di sản của cụ S và cụ M để lại nhưng không đưa chị D và mẹ là bà Đinh Thị Hồng N2 vào hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn B3 (chết ngày 26/5/2009) là vi phạm quy định pháp luật.

Tại văn bản phân chia di sản thừa kế trên, ông Đ, ông M6, ông M1, ông M5, bà M3, bà M2, ông H3 và bà S1 đã thống nhất để lại cho ông M5 hưởng toàn bộ di sản thừa kế của cụ S, cụ M để lại gồm:

Thửa đất số 1766, diện tích 2.330m^2; thửa đất số 1778, diện tích 1.551m^2; thửa đất số 1843, diện tích 2.658m^2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An. Sau khi ông M5 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất trên ông M5 có nói với chị D và bà N2 khi nào chị D 18 tuổi thì ông sẽ làm thủ tục tách quyền sử dụng đất phần diện tích mà ông được hưởng từ cụ S, cụ M qua cho chị D, nhưng cho đến khi ông M5 chết vẫn chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền cho chị D. Sau đó chị D, bà N2 có liên hệ với bà H1, ông T1 và bà H2 yêu cầu thực hiện theo như cam kết khi ông M5 còn sống, nhưng hàng thừa kế thứ nhất của ông M5 không đồng ý.

Riêng thửa 1778 tuy cụ M, cụ S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng người quản lý, sử dụng là cụ T4 và cụ A hiện nay đã chết. Sau khi hai cụ chết, con ruột là Phan Ngọc S1 tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2021/HC-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Bản án hành chính phúc thẩm số 382/2022/HC-PT ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau: hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng tại thửa 1778 (thửa mới 197), tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An cấp cho cụ Nguyễn Thị S; hủy chỉnh lý biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn M5 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 197 do bà H1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hủy quyết định hành chính có liên quan là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho cụ Nguyễn Văn M ngày 05/3/1996 đối với thửa 1778 (thửa mới 197), tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An.

Chị Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" ngày 22/07/2009, số công chứng 808, thuộc quyển số 01/TP/CC/HĐGD của Văn phòng công chứng Phương N vô hiệu do đã bỏ sót hàng thừa kế của ông B3 và khai không đúng di sản thừa kế vì hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1778 đã bị Tòa án có thẩm quyền hủy.

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 chị D có yêu cầu "Tuyên hủy đăng ký biến động của ông Nguyễn Văn M5 (đã chết năm 2016) trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AA 066745 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An cấp ngày 16/7/2004 cho cụ Nguyễn Thị S".

Ngày 08/4/2022, tại Đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện chị D chỉ yêu cầu hủy đăng ký chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Văn M5 trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AA066745 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật ngày 14/8/2009 với nội dung "ông Nguyễn Văn M5, sinh năm 1959, chứng minh nhân dân số 300739549 cấp ngày 20/4/2006 tại Công an tỉnh Long An, thường trú Phường B, thị xã T, tỉnh Long An, nhận thừa kế theo Văn bản thỏa thuận được Văn phòng công chứng Phương N chứng thực số 808 ngày 22/7/2009". Ngày 18/7/2022, chị D đã có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện trên và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc rút lại yêu cầu khởi kiện trên.

Trong văn bản ngày 22/01/2021, bị đơn Văn phòng công chứng Phương N trình bày như sau:

Vào ngày 22/7/2009, ông Nguyễn Văn M5, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn M6, ông Nguyễn Tam M1, bà Nguyễn Thị M3, bà Nguyễn Thị M2, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị S1 là những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị S, cụ Nguyễn Văn M có đến Văn phòng công chứng Phương N yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng các thửa đất số 1776, 1778, 1843, tờ bản đồ số 2, tọa lạc xã P, huyện B, tỉnh Long An.

Qua hồ sơ do những người thừa kế cung cấp, Văn phòng công chứng Phương N tiến hành soạn thảo văn bản phân chia tài sản thừa kế và đã cho những người thừa kế đọc lại, đồng ý và đã tự nguyện ký tên vào Văn bản phân chia tài sản thừa kế. Văn bản phân chia tài sản thừa kế đã được Công chứng viên Nguyễn Hoàng T tiến hành công chứng ngày 22/7/2009, số công chứng 808, Quyển số 01. Việc công chứng Văn bản phân chia tài sản thừa kế nêu trên theo đúng trình tự thủ tục và có sự thống nhất đồng ý của những người thừa kế, còn việc yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy đăng ký chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Văn phòng có ý kiến như sau: việc công chứng hoàn toàn đúng trình tự thủ tục công chứng và sự tự nguyện của những người thừa kế cung cấp, cam đoan những thông tin ghi trong Văn bản thừa kế là đúng sự thật và việc phân chia tài sản thừa kế nêu trên không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác. Việc tranh chấp của các bên đối với các thửa đất trên đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Văn phòng công chứng Phương N xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm.

Trong văn bản ngày 12/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị H1 trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn M5 chết năm 2016. Bà thống nhất với trình bày của phía nguyên đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn M và cụ

Nguyễn Thị S, cũng như hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B3, ông Nguyễn Văn M6 và bà Nguyễn Thị M3.

Ngày 22/7/2009 tại Văn phòng công chứng Phương N, chồng bà là ông Nguyễn Văn M5 và các anh chị em ruột là con của cụ Nguyễn Thị S và cụ Nguyễn Văn M đã thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế của cụ S cụ M để lại. Theo đó các anh chị em thống nhất để cho chồng bà là ông M5 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03 thửa đất số 1766, 1778 và 1843, cùng tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An. Sau đó ông M5 đi đăng ký ngày 14/8/2009 được Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B chỉnh lý biến động sang tên cho ông M5.

Hồ sơ phân chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị S và cụ Nguyễn Văn M đã có "Đơn xin xác nhận" về việc xác nhận anh em của ông M5 gồm có: Tổng cộng 08 người con của cụ S và cụ M được Trưởng ấp ông Phan Văn X xác nhận là đúng sự thật vào ngày 15/7/2009. Ủy ban nhân dân xã P xác nhận đúng sự thật ngày 15/7/2009 không có tên ông B3. Do đó "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" được lập ngày 22/7/2009 tại Văn phòng công chứng Phương N số công chứng 808 quyển số 01/TP/CC – SCC/HHĐGD là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu vô hiệu "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" thì bà không đồng ý vì Thùy D chỉ là hàng con cháu trong gia đình không có quyền được đứng tên trong Văn bản phân chia di sản thừa kế, bà không đồng ý tại sao khi ông M5 còn sống không ai có ý kiến gì, tại sao chồng bà chết thì chị D lại tranh chấp. Nếu ai có chứng cứ chứng minh lời ông M5 hứa cho đất thì xuất trình ra bà sẵn sàng chia. Hơn nữa, khi chồng bà còn sống có chia cho Thùy D và bà N2 100m^2 tại thửa đất số 236, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An.

Còn đối với thửa 1778 có nguồn gốc từ cha mẹ chồng bà, cha mẹ chồng bà cho chồng bà và ông M5 được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2009 đến năm 2017 thì chồng bà mới mất, bà đề nghị xem xét không đưa bà Sang vào tham gia tố tụng, chỉ giải quyết trong nội bộ gia đình.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của bà H1, có bổ sung ý kiến trình bày như sau, việc các anh em của ông M5 đã ký vào Văn bản phân chia tài sản thừa kế vào năm 2009 đến năm 2016 ông M5 mới chết, vậy tại sao trong thời gian mà ông M5 còn sống các cô, chú, bác không có ý kiến về việc phân chia di sản không đều, mà đến giờ này mới tranh chấp. Riêng đối với lời trình bày của bà N2, nếu bà N2 có chứng cứ chứng minh khi cha ông còn sống, hứa sẽ chia cho Thùy D 1.000m^2 nếu có ông sẵn sàng chia. Nếu ai xúc phạm ông đề nghị Tòa án xử lý nghiêm minh. Đất của ông M5 chia cho ông, bà H2 và bà H1 giữ lại không bán.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H2 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà H1. Tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 22/7/2009, ông Đ, ông M6, ông M1, bà M3, bà M2, ông H3 và bà S1 thống nhất để lại cho ông M5 được quyền sử dụng đất các thửa 1766, 1778 và 1843, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An. Trước yêu cầu khởi kiện của chị D tranh chấp yêu cầu vô hiệu Văn bản phân chia tài sản thừa kế bà không đồng ý, nếu chị D có chứng cứ chứng minh lúc còn sống ông M5 có hứa sẽ chia lại cho chị D 1000m^2 thì bà cũng đồng ý chia lại cho Thùy D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Tam M1, bà Nguyễn Thị M2, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị S1 và bà Đinh Thị Hồng N2 do bà Sô Thị Tuyết H4 đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc H về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị S, cụ Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn B3, ông Nguyễn Văn M6 và bà Nguyễn Thị M3.

Cụ S và cụ M không để lại di chúc. Di sản thừa kế của hai cụ để lại gồm phần đất có diện tích 6.539 m^2 tại các thửa đất 1766, 1778, 1843, thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số 005207 QSDĐ/0206-LA do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp ngày 05/03/1995.

Riêng đối với thửa đất số 1778, diện tích 1551 m^2, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA066745 do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/07/2004 do cụ Nguyễn Thị S và cụ Nguyễn Văn M đứng tên. Trên thực tế, thửa đất này là đất của vợ chồng cụ Phan Tấn T4 (chết năm 2013) và cụ Nguyễn Thị Ánh (chết năm 2012). Sau khi cụ T4 và cụ A chết thì bà Phan Ngọc S1 (sinh năm: 1972) là con ruột của hai cụ trực tiếp quản lý, canh tác và sử dụng từ đó đến nay. Do có sơ suất, nên khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần thửa đất số 1778 này Nhà nước đã cấp nhầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ S và cụ M.

Sau khi hai cụ chết, ông M5 nói với anh em còn lại trong gia đình ra Văn phòng Công chứng Phương N để ký tên vào "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" để ông M5 thay mặt anh em đứng ra phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại cho mỗi người một phần, ai cũng được hưởng. Riêng phần của ông B3 thì ông B3 đã chết nên không cần kê khai tên ông B3 vào văn bản phân chia di sản thừa kế này, sau này khi Thùy D đủ 18 tuổi thì ông M5 sẽ chia phần của ông B3 cho Thùy D một miếng đất thổ (tương đương với 01 nền nhà) và 1.000m^2 đất lúa.

Ngày 22/7/2009, do tin tưởng lời hứa của ông M5 nên anh em trong gia đình đã cùng ông M5 ra Văn phòng công chứng Phương N để ký tên vào văn bản phân chia di sản thừa kế và lúc ký tên thì những người này không hề hay biết trong văn bản phân chia di sản thừa kế đó có ghi nội dung *"thỏa thuận để cho ông M5 được thừa hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất mà cha mẹ để lại"*.

Một thời gian sau, ông M5 vẫn không chịu phân chia di sản thừa kế của cụ S và cụ M để lại cho anh em trong nhà mỗi người một phần như lời ông M5 hứa. Ông đã đăng ký biến động để xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đối với các thửa đất 1766, 1843 và tự tách thành các thửa nhỏ mà chưa có sự đồng ý của anh em còn lại trong gia đình.

Đến năm 2016, khi ông M5 chết, bà H1 là vợ của ông M5 đã cùng các con đến Văn phòng công chứng để lập "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế" ngày 04/6/2019 số Công chứng 767, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Lê Thiện Đ. Bà H1 cho rằng những tài sản này là di sản thừa kế của ông M5 để lại nên bà H1 đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho bà H1 đứng tên.

Đến khoảng đầu năm 2020, khi phát hiện việc bà H1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên thì anh em của ông M5 cùng với Thùy D đã yêu cầu bà H1 phân chia di sản nêu trên theo như lời ông M5 đã hứa nhưng bà H1 không đồng ý. Nay bà đại diện cho ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Tam M1, bà Nguyễn Thị M2, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị S1 và bà Đinh Thị Hồng N2 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D.

Trong văn bản ngày 08/8/2022 và các lời khai trong quá trình Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Ngọc S1 trình bày:

Thửa 1778 có nguồn gốc từ ông bà của bà để lại, sau này ba bà là cụ Phan Tấn T4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu bìa trắng. Ông T4 là người trực tiếp đã quản lý, sử dụng thửa đất 1778 từ trước năm 1975 đến khi ông T4 chết để lại cho bà quản lý sử dụng, chính quyền địa phương và những người dân sống gần đó đều biết. Đến năm 1995 thì Ủy ban nhân dân huyện B cấp nhầm cho cụ M là cha của ông M5, ông B3. Cụ M chết cụ S được nhận thừa kế và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại thửa 1778. Đến khi cụ S chết các hàng thừa kế thứ nhất của cụ S gồm có ông M5, ông Đ, ông M1, bà M2, ông H3, bà M3 và bà S1 lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ M để lại cho ông M5 trong đó có thửa 1778. Do đó, bà đã khởi kiện vụ án hành chính đối với Ủy ban nhân dân huyện B và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 026660 số vào sổ CS 17070 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị H1 ngày 13/9/2019, đối với thửa đất số 197 (cũ 1778), tờ bản đồ số 15 (cũ số 2), diện tích 1.625,5m^2, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03908 QSDĐ/0206-LA do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị S ngày 16/7/2004; hủy chỉnh lý biến động ngày 14/8/2009 chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Văn M5.

Vụ án đã được giải quyết bằng Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2021/HC-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Bản án hành chính phúc thẩm số 382/2022/HC-PT ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà như sau: hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng tại thửa 1778 (thửa mới 197), tờ bản đồ số 2 (mới 15), tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An cấp cho cụ Nguyễn Thị S; hủy

chỉnh lý động sang tên cho ông Nguyễn Văn M5 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 197 do bà H1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hủy quyết định hành chính có liên quan là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Văn M ngày 05/3/1996 đối với thửa 1778 (thửa mới 197), tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Long An. Do đó, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D là vô hiệu "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" lập ngày 22/7/2009 tại Văn phòng công chứng Phương N vì nội dung trong Văn bản này đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà.

Trong văn bản ngày 15/8/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Kim Thành, bà Nguyễn Thị Cẩm V1, ông Nguyễn Đức N1, bà Nguyễn Thị Kim T3, ông Nguyễn Đức M4, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị Thu C1, ông Nguyễn Minh Đ1, bà Nguyễn Thị Kim P1, bà Nguyễn Thị Xuân L1 trình bày:

Về hàng thừa kế thứ nhất cũng như di sản thừa kế của cụ M cụ S cũng như của ông B3, ông M6 và bà M3 các ông bà thống nhất đối với lời trình bày của ông Hải người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thùy D.

Sau khi cụ M và cụ S chết, ngày 22/7/2009, ông M5, ông M6, ông M1, ông H3, ông Đ, bà M3, bà M2 và bà S1 ra Văn phòng công chứng Phương N để ký tên vào văn bản phân chia di sản thừa kế. Lúc ký tên, ông M6, bà M3 không hề hay biết trong văn bản phân chia di sản thừa kế có ghi nội dung *"thỏa thuận để cho ông M5 được thừa hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất mà cha mẹ để lại"* vì trước đây ông M5 có nói ông sẽ thay mặt cho cha mẹ chia lại cho anh chị em trong gia đình mọi người một phần.

Sau đó, ông M5 không chịu phân chia di sản thừa kế của cụ S và cụ M để lại theo như lời ông M5 đã hứa. Ông đã đăng ký biến động để xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên và tự tách thành các thửa nhỏ mà chưa có sự đồng ý của anh em còn lại trong gia đình.

Năm 2016, khi ông M5 chết, bà H1 đã cùng các con đến Văn phòng công chứng để lập "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" ngày 04/6/2019 số Công chứng 767, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Lê Thiện Đ. Bà H1 cho rằng những tài sản này là di sản thừa kế của ông M5 để lại nên bà H1 đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho bà H1 đứng tên.

Khi biết được việc bà H1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất trên, anh em trong gia đình có đến gặp bà H1 để yêu cầu bà H1 thực hiện cam kết của ông M5 lúc còn sống, nhưng bà H1 cùng các con là bà H2, ông T1 không đồng ý. Vì vậy, các ông bà đề nghị Tòa án chấp nhận với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B trình bày:

Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất cập nhật đăng ký biến động cho ông Nguyễn Văn M5 ngày 14/8/2009 trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất

số AA 066745 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/7/2004 cho cụ Nguyễn Thị S do nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ cụ Nguyễn Thị S được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B xin được xét xử vắng mặt.

Vụ án được Toà án cấp sơ thẩm kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B đã căn cứ vào khoản 11 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 44, 46 và 47 Luật Công chứng năm 2014; Điều 117, Điều 122, Điều 650 và khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D.

Tuyên bố "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế" ngày 22 tháng 7 năm 2009 số Công chứng 808, Quyển số 01/TP/CC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Phương N là vô hiệu.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D về việc yêu cầu hủy đăng ký chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Văn M5 trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AA 066745 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị S, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật biến động ngày 14/8/2009.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Văn phòng công chứng Phương N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy D 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002515 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/01/2023, bị đơn bà Trần Thị H1 kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ D do ông Nguyễn Ngọc H đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn bà Trần Thị H1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn bà Trần Thị H1 không rút đơn kháng cáo, trình bày cho rằng việc chồng bà H1 ông Nguyễn Văn M5 cùng các anh em thoả thuận lập văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 22/7/2009 là hoàn toàn tự nguyện, vào thời điểm các anh em lập văn bản thoả thuận phân chia di sản có thông báo cho bà N2 nhưng bà N2 không đồng ý ký tên vào văn bản. Vào năm 2011, gia đình đã họp thống nhất

chia cho bà N2 mẹ của chị D diện tích 100m^2 đất ở, thuộc thửa 236, tờ bản đồ số 2, bà N2 đã được công nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2016, ông Nguyễn Văn M5 chồng bà H1 chết nên toàn bộ tài sản ông M5 được phân chia trong văn bản phân chia di sản là của ông M5, bà H1 không đồng ý vô hiệu văn bản này. Đối với thửa đất số 1778, tờ bản đồ số 2 được giải quyết trong vụ án hành chính, bà có gửi đơn khiếu nại đến Toà án nhân dân tối cao, Toà án đã nhận đơn khiếu nại của bà H1 đến nay chưa được giải quyết.

Luật sư Phạm Văn V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 22/7/2009 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm vì các lý do sau:

Thứ nhất, thửa đất số 1778, tờ bản đồ số 2 được đề cập đến trong Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2022/HC-ST ngày 28/9/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Long An và Bản án hành chính phúc thẩm số 382/2022/HC-PT ngày 25/5/2022 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xác định việc cấp quyền sử dụng đất cho cụ M và cụ S là cấp nhầm thửa. Thực tế thửa đất số 1778 được gia đình ông Phan Tấn T4 là cha của bà Sang sử dụng nên đã huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đối với bà H1, bà Sáu và chỉnh lý biến động sang ông M5 đối với thửa đất này.

Thứ hai, văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế đã bỏ sót người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là ông Nguyễn Văn B3.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H1 được thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đủ căn cứ và hợp pháp để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H1 thấy rằng:

Vào ngày 22/7/2009, các ông bà là Nguyễn Văn M5, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn M6, Nguyễn Tam M1, Nguyễn Thị M3, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị S1 có thỏa thuận lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế đối với di sản là quyền sử dụng đất tại các thửa 1766, 1778, 1843 do cụ Nguyễn Thị S chết để lại, văn bản được Văn phòng Công chứng Phương N công chứng số 808, thuộc quyển số 01/TP/CC/HĐGD. Tuy nhiên, tại thời điểm thỏa thuận phân chia di sản, Văn phòng công chứng Phương N không đưa vợ và con của ông Nguyễn Văn B3 là bà Đinh Thị Hồng N2 và chị Nguyễn Thị Thùy D tham gia việc thỏa thuận trên là đã bỏ sót hàng thừa kế do ông B3 chết năm 2009, điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ và con của ông B3 đối với phần di sản mà lẽ ra ông B3 được nhận thừa kế từ cụ S. Bị đơn bà H1 cho rằng thời điểm chồng bà H1 và các anh chị em thỏa thuận phân chia di sản có thông báo nhưng bà N2 ở đâu không biết và không đến, tuy nhiên không có chứng cứ gì chứng minh tại thời điểm đó bà N2 có được thông báo việc anh chị em thỏa thuận phân chia di sản.

Mặt khác, theo nội dung Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2021/HC-ST ngày 28/9/2021 của Toà án tỉnh Long An và Bản án hành chính phúc thẩm số 382/2022/HC-PT ngày 25/5/2022 của Toà án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật đã quyết định hủy Quyết định hành chính liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn M đối với thửa 1778; hủy 01 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị S đối với thửa 1778; hủy chỉnh lý biến động ngày 14/8/2009 chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Văn M5 đối với thửa 197 (thửa cũ là thửa 1778), hủy Giấy do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị H1 ngày 13/9/2019 đối với thửa 197 do cấp không đúng đối tượng nên xác định quyền sử dụng đất tại thửa số 1778 không phải là di sản thừa kế của cụ S để lại. Bà H1 có nộp đơn đến Toà án nhân dân tối cao đề nghị giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm nhưng chưa có kết quả giải quyết khác, nên Bản án hành chính phúc thẩm số 382/2022/HC-PT ngày 25/5/2022 của Toà án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực thi hành.

Do đó, việc thỏa thuận phân chia di sản theo "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" lập ngày 22/7/2009 là vô hiệu. Từ những căn cứ trên, kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H1 không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H1 được thực hiện đúng quy định tại Điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: bị đơn Văn phòng công chứng Phương N, bà Nguyễn Thị Mỹ H2; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Nguyễn Thị Cẩm V1, ông Nguyễn Đức N1, bà Nguyễn Thị Kim T3, ông Nguyễn Đức M4, bà Nguyễn Thị Thùy L2, bà Phan Ngọc S1, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Long An; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M3 gồm ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị Thu C1, ông Nguyễn Minh Đ1, bà Nguyễn Thị Kim P1, bà Nguyễn Thị Xuân L1 vắng mặt, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ D do ông Nguyễn Ngọc H đại diện khởi kiện yêu cầu vô hiệu văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 22/7/2009, số công chứng 808 Quyển số 01/TP/CC/HĐGD của Văn phòng công chứng Phương N, do bỏ sót hàng thừa kế của ông B3 và khai không đúng di sản thừa kế, đồng thời phía nguyên đơn còn yêu cầu huỷ chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Văn M5 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 066745 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho cụ Nguyễn Thị S ngày 16/7/2004. Ngày 18/7/2022, phía nguyên đơn đã rút lại yêu cầu khởi kiện huỷ chỉnh lý biến động đăng ký quyền sử dụng đất. Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn, vô hiệu văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 22/7/2009, đình chỉ đối với yêu cầu tuyên huỷ chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Văn M5 nên phía bị đơn bà Trần Thị H1 làm đơn kháng cáo

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H1 yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do di sản thừa kế đã được thoả thuận phân chia nên không thể phân chia lại theo yêu cầu của các nguyên đơn, chị Thuỳ D là cháu không có quyền đứng tên trong văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế, thấy rằng:

[4.1] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ D: chị Nguyễn Thị Thùy D là con ruột của ông Nguyễn Văn B3, chết ngày 26/5/2009, là cháu nội của cụ Nguyễn Văn M chết vào năm 1997 và cụ Nguyễn Thị S chết năm 2002. Như vậy, chị D là một trong các thừa kế chuyển tiếp của ông B3 đối với di sản của cụ M và cụ S do ông B3 chết sau cụ M và cụ S theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc các đồng thừa kế của cụ M cụ S thỏa thuận lập văn bản phân chia di sản thừa kế ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của chị D. Vì vậy, chị D có quyền khởi kiện yêu cầu vô hiệu văn bản phân chia di sản thừa kế giữa các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị S theo Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Xét văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập ngày 22/7/2009 giữa các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị S gồm ông Nguyễn Văn M5, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn M6, ông Nguyễn Tam M1, bà Nguyễn Thị M3, bà Nguyễn Thị M2, ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị S1 thấy rằng, văn bản được công chứng của Văn phòng Công chứng Phương N, về hình thức văn bản tuân thủ đúng quy định tại khoản 2 Điều 121 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 41, Điều 49 Luật Công chứng năm 2006.

[4.3] Các đương sự đều trình bày thừa nhận, việc thỏa thuận phân chia di sản của cụ S và cụ M được lập bởi 08 thừa kế của cụ S, đã bỏ sót một thừa kế là ông Nguyễn Văn B3. Theo Trích lục khai sinh số 727/TLKS-BS ngày 19/12/2019 của Uỷ ban nhân dân thị trấn B thể hiện, ông B3 là con của cụ M và cụ S, do ông B3 chết sau cụ S và cụ M nên văn bản phân chia di sản thừa kế đã bỏ sót các thừa kế chuyển tiếp của ông B3 gồm vợ ông B3 là bà Đinh Thị Hồng N2 và con của ông B3 là chị Nguyễn Thị Thùy D. Tại trang 04 của Văn bản phân chia di sản thừa kế có ghi "*Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn M đã mất nhưng không có lập di chúc. Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn M có những người con là Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn M6, Nguyễn Tam M1, Nguyễn Văn M5, Nguyễn Thị M3, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị S1. Ngoài ra bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn M không có ai là con đẻ, con nuôi nào khác ngoài những người nên trên"*. Như vậy, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật theo Điều 121 nên vô hiệu theo Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4.4] Về nội dung văn bản: văn bản phân chia di sản thừa kế có nội dung chia cho ông Nguyễn Văn M5 các thửa đất số 1766, 1778 và thửa 1843, cùng tờ bản đồ số 02. Trong đó thửa đất số 1778 (số thửa mới 197) được Bản án hành

chính sơ thẩm số 56/2022/HC-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Bản án hành chính phúc thẩm số 382/2022/HC-PT ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ chí Minh đã đề cập hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03908 QSDĐ/0206-LA do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho cụ S vào ngày 16/7/2004 và hủy chỉnh lý biến động ngày 14/8/2009 chỉnh lý sang tên ông M5 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ S đối với thửa đất số 1778, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.551m^2; đồng thời hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn M5 thửa đất số 197, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.625,5m^2, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 026660, số vào sổ CS 17070 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị H1 ngày 13/9/2019 đối với thửa đất số 197, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.625,5m^2; Bản án hành chính cũng hủy quyết định hành chính có liên quan là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B ấp cho ông Nguyễn Văn M ngày 05/3/1996 đối với thửa đất số 1778, tờ bản đồ số 2 với nhận định cho rằng thửa đất số 1778 do gia đình bà Phan Ngọc S1 trực tiếp quản lý, sử dụng, việc cấp quyền sử dụng đất thửa 1778 cho cụ S, cấp đổi cho ông M5 bà H1 là không đúng đối tượng sử dụng. Như vậy, thửa đất số 1778 không còn là của cụ M, cụ S. Bản án hành chính hiện đang có hiệu lực pháp luật, chính vì vậy, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ S cụ M đối với thửa đất số 1778 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba là của bà Phan Ngọc S1 là vi phạm điều cấm của pháp luật.

[4.5] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vô hiệu văn bản phân chia di sản thừa kế là có căn cứ. Bà H1 kháng cáo không đưa ra chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo mà cần bác yêu cầu này, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và Luật sư phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

[7] Về án phí phúc thẩm: bà H1 kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên bà H1 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử xem xét cho bà H1 miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 04/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B.

Căn cứ các Điều 26, 37, 39, 147, 148, 186, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 41, 49 Luật Công chứng năm 2006; các Điều 44, 46 và 47 Luật Công chứng năm 2014; Điều 12 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 117, Điều 122, Điều 650 và khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D.

Tuyên bố "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế" ngày 22 tháng 7 năm 2009, số Công chứng 808, Quyển số 01/TP/CC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Phương N là vô hiệu.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D về việc yêu cầu hủy đăng ký chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Văn M5 trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AA066745 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị S, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật biến động ngày 14/8/2009.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: miễn án phí cho bà Trần Thị H1.

Văn phòng công chứng Phương N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy D 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002515 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: miễn án phí cho bà Trần Thị H1.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Nga